VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa các cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới

Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa các cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 20/2016/TT-BGTVT ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa các cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2016;

2. Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 30/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ vận tải biển và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa các cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới[1].

---

[1] Thông tư số 20/2016/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa các cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2005;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 30/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Điều kiện kinh doanh vụ vận tải biển và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển;

Căn cứ Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định Điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới."

Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về quy định về vận tải đường thủy nội địa có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

Căn cứ Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa."

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa các cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa các cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới.

Điều 3. Giải thích từ ngữ[2]

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tàu khách là phương tiện thủy nội địa có sức chở trên 12 (mười hai) người.

2. Tàu chở người là phương tiện thủy nội địa có sức chở từ 12 (mười hai) người trở xuống.

3. Tàu khách cao tốc (tàu cao tốc chở khách) là tàu khách được cơ quan Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra chứng nhận phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc; tàu khách hoạt động ở chế độ lướt mà thân tàu tách hoàn toàn khỏi mặt nước do lực nâng khí động học tạo ra bởi hiệu ứng bề mặt có tốc độ lớn nhất từ 30 km/giờ trở lên ở trạng thái toàn tải.

4. Hành khách là người được vận chuyển trên phương tiện vận tải hành khách có vé hợp lệ và người được miễn mua vé, trừ thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ.

5. Cảng vụ liên quan là Cảng vụ Đường thủy nội địa hoặc Cảng vụ Hàng hải.

---

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

Chương II
KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH, HÀNH LÝ, BAO GỬI BẰNG TÀU THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH

Điều 4. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu theo tuyến cố định[3]

1. Công khai thông tin về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc niêm yết tại cảng, bến, tại quầy bán vé để hành khách biết được trước khi đi tàu.

2. Niêm yết tại cảng, bến, tại quầy bán vé bằng tiếng Việt và tiếng Anh: thông tin về thời gian xuất bến, số chuyến lượt, giá vé, chính sách giảm giá vé theo quy định pháp luật và của người kinh doanh vận tải, hành trình (bao gồm cả các điểm dừng nghỉ, thời gian dừng, nghỉ), dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình, bảo hiểm hành khách, hành lý miễn cước, số điện thoại nhận thông tin phản ánh của hành khách.

3. Niêm yết trên tàu bằng tiếng Việt và tiếng Anh: số điện thoại đường dây nóng của tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý, đơn vị tìm kiếm cứu nạn và nội quy đi tàu.

4. Trong thời gian ít nhất 10 phút trước khi tàu rời cảng, bến, nhân viên phục vụ hoặc thuyền viên trên tàu có trách nhiệm hướng dẫn, cung cấp thông tin về nội quy đi tàu, vị trí và cách sử dụng các thiết bị chữa cháy, dụng cụ cứu sinh, cứu đắm, thoát hiểm.

5. Trong thời gian ít nhất 10 phút trước khi tàu đến cảng, bến trả hành khách, nhân viên phục vụ hoặc thuyền viên trên tàu có trách nhiệm cung cấp thông tin về cảng, bến, thời gian tàu lưu lại và các thông tin cần thiết khác.

6. Quản lý, lưu trữ thông tin bắt buộc, cung cấp đầy đủ các thông tin bắt buộc cho các Sở Giao thông vận tải liên quan, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Cảng vụ liên quan khi được yêu cầu.

Thông tin bắt buộc bao gồm: các thông tin về thời gian tàu đến và rời cảng, bến, hành trình của tàu, danh sách hành khách, danh sách thuyền viên và nhân viên phục vụ trên tàu theo từng chuyến và được lưu trữ trong vòng 01 năm.

---

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

7. Thông báo bằng văn bản đến Sở Giao thông vận tải và Cảng vụ liên quan, thông báo tại các cảng, bến đón trả hành khách:

a) Trước 10 ngày khi triển khai vận tải hành khách theo tuyến cố định;

b) Trước 03 ngày khi có thay đổi về biểu đồ chạy tàu hoặc lịch trình chạy tàu, trước 12 giờ khi có thay đổi về thời gian xuất bến;

c) Trước 5 ngày khi ngừng hoạt động trên tuyến.

8. Thông báo cho Cảng vụ liên quan và các cơ quan đơn vị có liên quan về sự cố của tàu khi hành trình trên tuyến.

9. Hàng năm tổ chức diễn tập công tác ứng cứu khi tàu bị sự cố đâm va, hỏng máy, cháy nổ.

10. Các nghĩa vụ khác được quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Giao thông đường thủy nội địa.

Điều 5[4]. *(được bãi bỏ)*

Điều 6[5]. *(được bãi bỏ)*

Điều 7[6]. *(được bãi bỏ)*

Điều 8. Thủ tục vào và rời cảng, bến đối với tàu khách cao tốc[7]

1. Thủ tục vào và rời cảng, bến thủy nội địa thực hiện theo quy định của pháp luật về đường thủy nội địa.

2. Thủ tục vào và rời cảng biển thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hải.

---

[4] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

[5] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

[6] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

[7] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

Điều 9[8]. *(được bãi bỏ)*

Chương III
VẬN TẢI HÀNH KHÁCH, HÀNH LÝ, BAO GỬI BẰNG TÀU THEO HỢP ĐỒNG CHUYẾN VÀ VẬN TẢI KHÔNG KINH DOANH

Điều 10[9]. *(được bãi bỏ)*

Điều 11. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân vận tải người, hành lý bao gửi không kinh doanh[10]

1. Yêu cầu thuyền trưởng, người lái phương tiện vận chuyển người, hành lý, bao gửi không kinh doanh phải đón, trả người từ cảng, bến thủy nội địa được công bố hoạt động, và không được kinh doanh vận tải hành khách.

2. Thông tin cho Cảng vụ liên quan phương án chạy tàu cụ thể trong trường hợp hành trình của tàu đến khu vực không có cảng, bến.

3. Niêm yết trên tàu: số điện thoại cảng vụ liên quan, đơn vị tìm kiếm cứu nạn và nội quy đi tàu.

4. Có trách nhiệm hướng dẫn cách sử dụng các thiết bị chữa cháy, dụng cụ cứu sinh, cứu đắm, thoát hiểm.

Điều 12. Thủ tục vào và rời cảng, bến đối với vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo hợp đồng chuyến

Thủ tục vào và rời cảng đối với tàu vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo hợp đồng chuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

Điều 13. Thủ tục vào và rời cảng, bến đối với tàu vận tải người, hành lý, bao gửi không kinh doanh

1. Thủ tục vào và rời cảng, bến đối với tàu[11] không kinh doanh được thực hiện theo Điều 8 của Thông tư này.

---

[8] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

[9] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

[10] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

[11] Cụm từ "*theo hợp đồng chuyến*" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

2. Cảng vụ liên quan cấp phép cho tàu rời cảng, bến có trách nhiệm theo dõi hành trình của tàu từ cảng, bến đó đến cảng, bến cuối cùng của hành trình; chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý khi tàu gặp sự cố, tai nạn trên hành trình.

Chương IV
YÊU CẦU KỸ THUẬT, TRANG THIẾT BỊ

Điều 14[12]. *(được bãi bỏ)*

Điều 15. Thiết bị AIS trên tàu[13]

Việc trang bị thiết bị AIS trên tàu và tiêu chuẩn chức năng kỹ thuật của thiết bị AIS phải phù hợp với quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có liên quan do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

Chương V
ĐIỀU TRA VÀ XỬ LÝ TAI NẠN

Điều 16. Xử lý tai nạn trong vùng nước cảng, bến, đường thủy nội địa[14]

Tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức tìm kiếm, cứu nạn trong vùng nước cảng, bến, đường thủy nội địa theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014, Quyết định số 51/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tổ chức tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa và xử lý tai nạn, thực hiện bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

---

[12] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

[13] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

[14] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

Điều 17. Xử lý tai nạn trong vùng nước cảng biển, luồng hàng hải[15]

Tổ chức, cá nhân liên quan xử lý tai nạn trong vùng nước cảng biển, luồng hàng hải thực hiện theo Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển, Thông tư số 34/2015/TT-BGTVT ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải, Thông tư số 39/2017/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số số 34/2015/TT-BGTVT ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải.

Điều 18. Đình chỉ hoạt động tạm thời đối với tàu[16]

Sở Giao thông vận tải, Chi cục Đường thủy nội địa khu vực, Cảng vụ liên quan thực hiện đình chỉ hoạt động khi phát hiện tàu khách cao tốc gặp sự cố, tai nạn có ảnh hưởng đến an toàn kỹ thuật của tàu và chỉ cho phép hoạt động lại khi có ý kiến của tổ chức đăng kiểm liên quan về việc tàu đủ điều kiện an toàn kỹ thuật để tiếp tục hoạt động.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải

1. Luôn theo dõi và giám sát hành trình của tàu trong thời gian hoạt động.

2. Kịp thời xử lý đối với những vấn đề phát sinh trong quá trình tàu hoạt động.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan hiệp thương giờ xuất bến.

---

[15] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

[16] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

2. Chỉ đạo các Cảng vụ Đường thủy nội địa thuộc Sở Giao thông vận tải thực hiện:

a) Hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện các thủ tục trong quá trình khai thác tàu;

b) Nhắc nhở, kiểm tra, lập biên bản và xử lý theo quy định đối với những hành vi gây mất an toàn và ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động của tàu.

Điều 21. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Hướng dẫn các Chi cục Đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đơn vị đăng kiểm trực thuộc Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản về kết quả kiểm tra bất thường sau khi kiểm tra theo yêu cầu kiểm tra bất thường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.[17] Báo cáo Bộ Giao thông vận tải các vấn đề liên quan đến tàu thuộc trách nhiệm được giao.

3. Định kỳ hoặc đột xuất, thanh tra kiểm tra tình trạng an toàn kỹ thuật, an ninh và bảo vệ môi trường đối với tàu và xử lý theo thẩm quyền khi cần thiết.

Điều 22. Trách nhiệm của Cục Hàng hải Việt Nam

1. Chỉ đạo các Cảng vụ Hàng hải liên quan thực hiện:

a) Hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện các thủ tục trong quá trình khai thác tàu;

b) Theo dõi thường xuyên hoạt động của tàu thông qua hệ thống AIS;

c) Nhắc nhở, kiểm tra, lập biên bản và xử lý theo quy định đối với những hành vi gây mất an toàn và ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động của tàu.

2. Chỉ đạo Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải khu vực:

a) Tổ chức diễn tập phối hợp tìm kiếm, cứu nạn;

b) Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ về tìm kiếm cứu nạn cho các tổ chức, cá nhân liên quan.

---

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 2 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

Điều 23. Trách nhiệm của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam

1. Hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện các thủ tục trong quá trình khai thác tàu.

2. Nhắc nhở, kiểm tra, lập biên bản và xử lý theo quy định đối với những hành vi gây mất an toàn và ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động của tàu.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[18]

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

---

[18] Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019 quy định như sau:

"***Điều 3. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

2. Thay thế các Phụ lục I, II, III, IV ban hành kèm theo Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa bằng các Phụ lục I, II, III, IV ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Bãi bỏ các quy định sau:

a) Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa;

b) Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 10, Điều 14, Phụ lục I, II, III và cụm từ "theo hợp đồng chuyến" tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới;

c) Thông tư số 20/2016/TT-BGTVT ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới.

4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo quy định của các văn bản đó.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

2. Bãi bỏ Thông tư số 14/2012/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam và Thông tư số 44/2013/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2012/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 17/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

PHỤ LỤC I[19] *(được bãi bỏ)*

PHỤ LỤC II[20] *(được bãi bỏ)*

PHỤ LỤC III[21] *(được bãi bỏ)*

[19] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

[20] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

[21] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng